

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản số: 12/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 10/4/2018.

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ HÒA, TỈNH PHÚ YÊN**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Hưng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Lễ.
2. Ông Trần Thành Minh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Cẩm Thoang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Xuân Kỳ, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 153/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị Bích Q, sinh năm: 1987; Có mặt.
Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên.

2. **Bị đơn:** Ông Huỳnh Anh T, sinh năm: 1984; Vắng mặt không có lý do.
Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên.

3. **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- **Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.** Địa chỉ: 02 Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Hồ Đức K – Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Phú Hòa (Theo giấy ủy quyền số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014 của Chủ tịch hội đồng thành viên Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam). Vắng mặt có lý do.

Địa chỉ: Khu phố Định Thọ 1, thị trấn Phú Hòa, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Phạm Thị C, sinh năm 1965. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn xin ly hôn ngày 30/3/2017 và ngày 06/7/2017, quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị Bích Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Q và ông T kết hôn ngày 16/7/2014, trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H. Sau khi cưới vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, tháng 12/2014 ông T yêu cầu bà Q mượn tiền để mua máy cày nhưng bà Q không mượn được tiền nên ông T đòi đánh và chửi bới bà Q. Đến tháng 01/2015 thì ông T tự ý lấy xe máy của bà Q và mang số tiền vợ chồng cùng vay tại Ngân hàng bỏ đi, không liên lạc với bà Q; Bà Q đến nhà ông T tìm kiếm thì phát hiện ông T ngoại tình với người khác, từ đó vợ chồng không qua lại với nhau nữa. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Trong quá trình thụ lý vụ án, bà Q xác định vợ chồng không có con chung nhưng tại phiên tòa bà Q xác định bà và ông T có hai con chung tên Huỳnh Thái Bảo L, sinh năm 2013 và Huỳnh Anh T, sinh năm 2015. Bà Q đang trực tiếp nuôi 02 con chung. Bà yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con với mức 1.500.000 đồng/01 con/tháng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Q và ông T có đứng tên vay của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Phú Hòa 30.000.000 đồng, bà yêu cầu ông T có nghĩa vụ trả toàn bộ khoản nợ gốc và lãi cho Ngân hàng.

Ngoài ra, vợ chồng bà không nợ ai, không ai nợ vợ chồng và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Theo các Biên bản ghi lời khai, bị đơn ông Huỳnh Anh T trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Vào tháng 7/2014, ông T và bà Q có tình cảm với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa An; Vợ chồng sống chung với nhau tại nhà mẹ của bà Q đến tháng 02/2015 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi vã với nhau, đến tháng 5/2015 ông T bỏ về nhà mẹ ruột ở thôn Đ, xã H sinh sống, vợ chồng không liên lạc với nhau từ đó.

Về con chung: Ông T xác định vợ chồng có 01 con chung tên Huỳnh Anh T, sinh năm 2015.

Về tài sản chung và nợ chung: Do ông T vắng mặt nên không có lời trình bày.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

Đại diện hợp pháp Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Phú Hòa trình bày:

Vào ngày 11 tháng 10 năm 2017 bà Phạm Thị Bích Q và ông Huỳnh Anh T có ký hợp đồng vay với Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn Huyện Phú Hòa với số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng chẵn) là thành viên hộ gia đình của bà Phạm Thị C, dùng vào mục đích chăn nuôi bò thời hạn 24 tháng (kể từ ngày 22 tháng 9 năm 2014), lãi suất 12%/ năm. Tính đến ngày 22/3/2018 bà Phạm Thị Bích Q với ông Huỳnh Anh T còn nợ Ngân hàng số tiền là 30.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 12.040.000 đồng.

Ngân hàng yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa buộc bà Phạm Thị Bích Q và ông Phạm Anh T thực hiện nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền trên.

Tại bản trình bày ngày 06/3/2018 và tại phiên tòa, bà Phạm Thị C trình bày: Bà Phạm Thị Bích Q kết hôn với ông Phạm Anh T, sau khi kết hôn vợ chồng Q và T có nhu cầu vay vốn để làm ăn nên bà có nộp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất loại đất trồng lúa nước hai vụ cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Phú Hòa để làm cam kết cho vợ chồng Q và T vay 30.000.000 đồng vào năm 2014. Nay bà Q yêu cầu ly hôn, tôi yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tuân thủ đúng quy định pháp luật. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà Q, cho ly hôn giữa bà Q và ông T; Về con chung: Giao hai con chung cho bà Q tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng: Buộc ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng/01 con; Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét; Nợ chung: Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc bà Q và ông T có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, ông T trả $\frac{1}{2}$ nợ gốc và lãi, bà Q trả $\frac{1}{2}$ nợ gốc và lãi; Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Ông Huỳnh Anh T đã được triệu tập nhiều lần hợp lệ nhưng vắng mặt, Ngân hàng có đơn xin vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Bích Q và ông Huỳnh Anh T tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 74, quyển số 01/2014 ngày 17/7/2014), vợ chồng sống chung với nhau trong thời gian gần thì xảy ra nhiều mâu thuẫn và không còn không liên lạc với nhau, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Qu. Cho ly hôn giữa bà Phạm Thị Bích Qu và ông Huỳnh Anh T.

Về con chung: Tại phiên tòa bà Q xác định bà và ông T có hai con chung tên Huỳnh Thái Bảo L, sinh năm 2013 và Huỳnh Anh T, sinh năm 2015; Ông T xác định vợ chồng có 01 con chung tên Huỳnh Anh T, sinh năm 2015 nhưng căn cứ vào giấy khai sinh các con Huỳnh Thái Bảo L và Huỳnh Anh T có cha là Huỳnh Anh T và mẹ là Phạm Thị Bích Q nên chấp nhận giữa ông T và bà Q trong thời kì hôn nhân có hai con chung tên Huỳnh Thái Bảo L, sinh ngày 11/8/2013 và Huỳnh Anh T, sinh ngày 09/3/2015. Bà Q đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung, ông T vắng mặt nên chấp nhận yêu cầu của bà Q, giao cho bà Q tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Q yêu cầu cấp dưỡng nuôi con với mức 1.500.000 đồng/tháng/01 con, xét thấy chi phí nuôi dưỡng một cháu bé trên địa bàn tỉnh Phú Yên với chi phí thực tế 3.000.000/cháu/tháng nên chấp nhận yêu cầu của bà Q, buộc ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho hai con chung Huỳnh Thái Bảo L và Huỳnh Anh T với mức 1.500.000 đồng/tháng/01 con.

Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 04/2018 cho đến khi phát sinh một trong các trường hợp quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân gia đình.

Về tài sản chung: Bà Q xác định vợ chồng không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về nợ chung: Căn cứ và Giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn ngày 25/9/2014 của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Phú Hòa, bà Q và ông T cùng ký vay với số tiền gốc là 30.000.000 đồng là thành viên hộ gia đình bà Phạm Thị C, trong quá trình vay ông T và bà Q đến tại thời điểm ngày 22/3/2018 còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 30.000.000 đồng và nợ lãi phát sinh là 12.040.000 đồng. Nên ly hôn ông Huỳnh Anh T và bà Phạm Thị Bích Q phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Phú Hòa.

Do đó, chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc bà Q và ông T có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, trong đó: Ông Phạm Anh T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 15.000.000 đồng, lãi phát sinh tính đến ngày 22/3/2018 là 6.020.000 đồng; Bà Phạm Thị Bích Q có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 15.000.000 đồng, lãi phát sinh tính đến ngày 22/3/2018 là 6.020.000 đồng.

Bà Q xác định vợ chồng không còn nợ ai, không ai nợ vợ chồng nên HĐXX không xét.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Phạm Thị C đứng tên thì thực hiện theo cam kết giữa bà C và Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Phú Hòa.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 BLTTDS và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Bà Phạm Thị Bích Q phải chịu án phí HNGĐ-ST 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) và 1.051.000 đồng (Một triệu không trăm năm mươi một nghìn đồng) án phí DSST, bà Q đã nộp tạm ứng 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007670 ngày 15/9/2017 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên nên phải nộp tiếp 1.051.000 đồng (Một triệu không trăm năm mươi một nghìn đồng).

Ông Huỳnh Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí DSST về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và 1.051.000 đồng án phí DSST về nghĩa vụ trả nợ. Tổng cộng ông T phải chịu 1.351.000 đồng (Một triệu ba trăm năm mươi một nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Ngân hàng số tiền 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007918 ngày 23/3/2018 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình 2014.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ly hôn giữa bà Phạm Thị Bích Quy và ông Huỳnh Anh Tuấn.

Về con chung: Giao hai con chung Huỳnh Thái Bảo Lâm, sinh ngày 11/8/2013 và Huỳnh Anh Tiến, sinh ngày 09/3/2015 cho bà Quy tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Huỳnh Anh Tuấn phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho hai con chung Huỳnh Thái Bảo Lâm và Huỳnh Anh Tiến với mức 1.500.000 đồng/tháng/01 con.

Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 04/2018 cho đến khi phát sinh một trong các trường hợp quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân gia đình

Về tài sản chung: Bà Quy không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không giải quyết.

Về nợ chung: Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc bà Quy và ông Tuấn có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, trong đó: Ông Phạm Anh Tuấn có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 15.000.000 đồng, lãi phát sinh tính đến ngày 22/3/2018 là 6.020.000 đồng; Bà Phạm Thị Bích Quy có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 15.000.000 đồng, lãi phát sinh tính đến ngày 22/3/2018 là 6.020.000 đồng.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Phạm Thị Chiến đứng tên thì thực hiện theo cam kết giữa bà Chiến và Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Phú Hòa.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Bà Phạm Thị Bích Quy phải chịu án phí HNGĐ-ST 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) và 1.051.000 đồng (Một triệu không trăm năm mươi một nghìn đồng) án phí DSST, bà Quy đã nộp tạm ứng 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007670 ngày 15/9/2017 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên nên phải nộp tiếp 1.051.000 đồng (Một triệu không trăm năm mươi một nghìn đồng).

Ông Huỳnh Anh Tuấn phải chịu 1.351.000 đồng (Một triệu ba trăm năm mươi một nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Phú Hòa số tiền 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007918 ngày 23/3/2018 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi suất cơ bản theo quy định của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trông hợp Quyet n̄nh n̄ōc thi hanh theo quy n̄nh tại N̄ieu 2 Luat Thi hanh an dan s̄i thì nḡoi n̄ōc thi hanh an, nḡoi phai thi hanh an dan s̄i co quyen thoa thuan thi hanh an, quyen yeu cau thi hanh an, t̄i nguyen thi hanh an hoac b̄i c̄ōng che thi hanh an theo quy n̄nh tại cac N̄ieu 6, 7, 9 Luat thi hanh an dan s̄i; Th̄i hieu thi hanh an n̄ōc th̄c hien theo quy n̄nh tại N̄ieu 30 Luat thi hanh an dan s̄i.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- Viện KSND huyện P.Hòa
- TAND tỉnh Phú Yên
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Hưng